

PHỤ LỤC 01B: DANH SÁCH TRẢ THƯỞNG THẺ TDQT GIAO DỊCH TRỞ LẠI
Appendix 01B: LIST OF GIFT RECEIVER (DORMANT CREDIT CARD)

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỞNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmimary card number
1	TRAN HUNG HA	9,500	41153xxxx2104
2	NGUYEN THI THU THUY	150,000	41153xxxx8123
3	PHAN VAN PHUC	150,000	41153xxxx1102
4	TRAN HOAI CHUNG	194,000	41153xxxx0115
5	NGUYEN NGOC KHOI	150,000	41153xxxx5102
6	PHAM THI XUAN TUYEN	204,400	41153xxxx7115
7	NGUYEN THI THANH	300,000	41153xxxx7106
8	NGUYEN THANH TU	150,000	41153xxxx7117
9	VU THI BICH NGOC	150,000	41153xxxx4111
10	LUU VIET TUYEN	300,000	41153xxxx5126
11	NGUYEN THE THANH	150,000	41153xxxx1110
12	TRAN MINH THE	300,000	41153xxxx9104
13	VU HAU	150,000	41153xxxx8106
14	LE THI NGOC SUONG	150,000	41153xxxx9104
15	BUI THI THUY MINH	168,000	41153xxxx0106
16	LE VAN ANH	300,000	41153xxxx4129
17	DANG HUNG MINH	300,000	41153xxxx6109
18	NGUYEN QUANG CHUNG	300,000	41153xxxx0105
19	LUU MANH HA	150,000	41153xxxx8110
20	NGUYENTHIHONGNHUNG	150,000	41153xxxx5109
21	NGUYEN ANH PHONG	202,765	41153xxxx2117
22	PHAM QUOC HUNG	150,000	41153xxxx8102
23	DO THI DIEU HUONG	150,000	41153xxxx4107
24	LE VAN BAN	150,000	41153xxxx5105
25	DO MINH TIEN	150,000	41153xxxx4117
26	LUU HOAI NAM	150,000	41153xxxx6106
27	NGUYEN THI THANH HAI	150,000	41153xxxx2109
28	NGUYEN THI DUNG	150,000	41153xxxx8105
29	MAI THI THANH	150,000	41153xxxx7101
30	NGUYEN TIEN DUC	201,501	41153xxxx7108
31	CHAU TUAN HONG	77,550	41153xxxx6101
32	CAO THI HOAI THANH	150,000	41153xxxx1100
33	DANG THI LAN PHUONG	300,000	41153xxxx6128
34	NGUYEN CONG DANH	150,000	41153xxxx6102
35	NGUYEN THI CHI	300,000	41153xxxx7109
36	LE MINH LONG	150,000	41153xxxx0116
37	TRAN VU MINH	150,000	41153xxxx7103
38	PHAN THI NGOC NGA	208,345	41153xxxx4104
39	NGUYEN BICH NGOC	150,000	41153xxxx3105
40	KIM HONG HUNG	150,000	41153xxxx6104
41	NGUYEN THI THU HUONG	300,000	41153xxxx2116

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THUỞNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
42	LE VAN CHINH	150,000	41153xxxx3101
43	TRINH THI HONG	300,000	41153xxxx4108
44	LAM THI KIM ANH	150,000	41153xxxx3101
45	NGUYEN THI MAI	150,000	41153xxxx8109
46	JANG SEOK BOO	150,000	41153xxxx1102
47	NGUYEN THI HAI DUONG	150,000	41153xxxx7107
48	HA VAN QUYET	51,000	41153xxxx3111
49	PHAM HONG PHUONG	150,000	41153xxxx5107
50	DOAN HONG VIET	300,000	41153xxxx5101
51	NGUYEN HOAI GIANG	24,000	41153xxxx3101
52	PHAM THANH TUAN	150,000	41153xxxx3104
53	PHAM MANH HUNG	29,817	41153xxxx6101
54	VO THANH BINH	150,000	41153xxxx8110
55	DUONG MINH TUAN	84,500	41153xxxx3104
56	DO THI THU THUY	150,000	41153xxxx1107
57	LE THI THU HA	150,000	41153xxxx4116
58	VU DUC THANG	150,000	41153xxxx8102
59	HO PHONG TUNG	150,000	41153xxxx2106
60	LE QUANG HOA	300,000	41153xxxx3101
61	NGUYEN THI SIM	300,000	41153xxxx4117
62	NGUYEN XUAN NAM	192,526	41153xxxx0104
63	TRAN VAN KHANH	150,000	41153xxxx3105
64	KIM THANH THUY	150,000	41153xxxx6102
65	DO THANH PHUONG	150,000	41153xxxx4100
66	CHUNG BUU LONG	300,000	41153xxxx7104
67	NGUYEN VAN TAN	150,000	41153xxxx3103
68	LE XUAN KHAI	150,000	41153xxxx2100
69	HUYNH THI NGOC LAN	150,000	41153xxxx7108
70	DANG AN KHANG	182,500	41153xxxx3100
71	NGUYEN DUY HOANG	150,000	41153xxxx4107
72	DAO DUY TAM	150,000	41153xxxx1108
73	TRAN THI HONG MAI	150,000	41153xxxx5108
74	HOANG KIM DAT	150,000	41153xxxx1109
75	VU VAN KHUONG	300,000	41153xxxx1105
76	NGUYEN MANH HUNG	150,000	41153xxxx4100
77	LE VAN HIEU	150,000	41153xxxx7100
78	VU VAN BUONG	150,000	41153xxxx9104
79	NGUYEN THI THU TRA	109,200	41153xxxx9105
80	LE HONG LAM	150,000	41153xxxx2109
81	DO THI ANH	300,000	41153xxxx8102
82	NGO GIA NGHIA	150,000	41153xxxx5108
83	NGUYEN TRAM ANH	127,710	41153xxxx1105
84	NGUYEN NU DUYEN MAI	150,000	41153xxxx9109
85	HUYNH THANH TRA	150,000	41153xxxx9104

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
86	DAO THU HANG	158,500	41153xxxx9100
87	NGU THI XUAN MAI	300,000	41153xxxx1104
88	NGUYEN HUYNH BAO CHAU	300,000	41153xxxx1102
89	PHAM VAN HUNG	150,000	41153xxxx3104
90	THAN THI MONG NGOC	300,000	41153xxxx9105
91	NGUYEN KHAC TRUNG	150,000	41153xxxx7104
92	NGUYEN THI MY PHUONG	150,000	41153xxxx7100
93	BUI THI LAN	150,000	41153xxxx9101
94	TRAN BICH THUY	150,000	41153xxxx6105
95	NGUYEN MANH LONG	150,000	41153xxxx7108
96	TRAN THI THANH HAI	150,000	41153xxxx5106
97	NGUYEN THI HIEN	150,000	41153xxxx3109
98	PHAM THI THUY CHUNG	150,000	41153xxxx2100
99	NGUYEN LAN PHUONG	150,000	41153xxxx6102
100	YEON JONG YOON	150,000	41153xxxx3104
101	NGUYEN THI HONG	150,000	41153xxxx0104
102	CAO THI LE HANG	150,000	41153xxxx8105
103	NGUYEN THI THOM	150,000	41153xxxx3120
104	QUACH TAN PHAT	23,850	41153xxxx4102
105	NGUYEN HONG PHUONG	150,000	41153xxxx8117
106	DANG THANH THUY	150,000	41153xxxx4103
107	PHAM THAI HOAI HUONG	300,000	41153xxxx7102
108	TRAN KINH THANH	150,000	41153xxxx2105
109	VU THI PHUONG THAO	124,500	41153xxxx8102
110	NGUYEN THI THU HUONG	300,000	41153xxxx8115
111	TRAN VIET CUONG	150,000	41153xxxx8100
112	NGUYEN THI SAO MAI	89,500	41153xxxx3106
113	TRUNG TUAN ANH	150,000	41153xxxx8105
114	TRAN THANH TUNG	150,000	41153xxxx7107
115	VU THI NHUNG	150,000	41153xxxx7104
116	DANG NGOC TUYEN	150,000	41153xxxx1105
117	NGUYEN QUOC KHIEM	150,000	41153xxxx3100
118	DAO THI NGOC CHAU	150,000	41153xxxx2107
119	NGUYEN THI KIM PHUNG	300,000	41153xxxx8112
120	TON THIEN TOAN	150,000	41153xxxx2103
121	NGUYEN THANH PHU	131,642	41153xxxx9107
122	PHAM VIET HUNG	150,000	41153xxxx7107
123	HUYNH THI THANH NHAN	178,500	41153xxxx8108
124	TA THI NGOC ANH	20,000	41153xxxx7115
125	TRAN THI THIEN HUONG	150,000	41153xxxx0101
126	LUONG PHAN HONG SON	150,000	41153xxxx9104
127	DUONG THI TUE	72,000	41153xxxx0110
128	NGUYEN THI BICH HOA	150,000	41153xxxx7104
129	NGUYEN BA DUNG	300,000	41153xxxx9106

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THUỞNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
130	PHAM MAU THINH	150,000	41153xxxx3100
131	DAM THI MY LY	295,900	41153xxxx4106
132	LE TRAN MINH THAO	150,000	41153xxxx8107
133	DUONG VAN SON	150,000	41153xxxx9101
134	NGUYEN THANH THUY	23,500	41153xxxx2107
135	HUYNH QUANG TAY	150,000	41153xxxx3106
136	TRAN THI LAN ANH	150,000	41153xxxx6100
137	TRAN HONG DUONG	150,000	41153xxxx6107
138	VO ANH KHOA	150,000	41153xxxx3101
139	DO THI CHUYEN	150,000	41153xxxx5109
140	VO HUNG CUONG	150,000	41153xxxx5108
141	NGUYEN KIEU MY	150,000	41153xxxx7103
142	DOAN THI THANH THUY	300,000	41153xxxx9115
143	NGUYEN THI KIM NGAN	300,000	41153xxxx9105
144	NGUYEN VAN DUAN	300,000	41153xxxx4105
145	BUI THE THU	100,000	41153xxxx0108
146	NGUYEN VAN THO	150,000	41153xxxx3101
147	NGUYEN VAN HOAN	150,000	41153xxxx9107
148	NGUYEN THI HAI	150,000	41153xxxx0109
149	DAO THI DUYEN	150,000	41153xxxx2104
150	NGUYEN CONG NGHIA	150,000	41153xxxx2101
151	TRAN THI THANH HUONG	300,000	41153xxxx7105
152	NGUYEN MINH HANG	300,000	41153xxxx6107
153	NGUYEN PHAN DUC HUY	150,000	41153xxxx4104
154	NGUYEN LY HONG CHAU	286,112	41153xxxx7105
155	VU PHUONG THAO	150,000	41153xxxx1108
156	HUYNH THI THUY LINH	150,000	41153xxxx8109
157	NGUYEN HAI NAM	150,000	41153xxxx2101
158	DO THANH THUY	300,000	41153xxxx3105
159	PHAM THU HIEN	150,000	41153xxxx8101
160	NGUYEN PHI HUNG	150,000	41153xxxx1103
161	SU MY XUAN	222,450	41153xxxx9106
162	DAO THANH THUY	141,700	41153xxxx0100
163	LY QUOC TAI	150,000	41153xxxx3102
164	NGUYEN THI HA	150,000	41153xxxx4105
165	TRAN KIM DINH	300,000	41153xxxx0109
166	NGUYEN THI BICH THUY	300,000	41153xxxx3103
167	CAM LI LY	2,500	41153xxxx2100
168	PHAN DUY LOC	29,500	41153xxxx3108
169	HOANG VAN NGHIEM	150,000	41153xxxx1105
170	TRAN QUOC DUNG	150,000	41153xxxx4107
171	TONG NGOC NGHIA	149,500	41153xxxx5103
172	DANG THANH BINH	150,000	41153xxxx5101
173	THAI DIEU LINH	29,000	41153xxxx6102

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THUỞNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
174	BUI HOANG DONG	71,050	41153xxxx8103
175	PHAN THI THU HA	300,000	41153xxxx3108
176	QUACH DINH LONG	293,343	41153xxxx8101
177	PHAM THU TRANG	150,000	41153xxxx2101
178	NGUYEN HUYNH PHONG	300,000	41153xxxx4103
179	NGUYEN DUNG KIEN	300,000	41153xxxx7108
180	PHAM THANH HUYEN	150,000	41153xxxx3103
181	DANG THANH TINH	292,800	41153xxxx0104
182	HO THU MAI	300,000	41153xxxx2104
183	VU DINH KIEN	300,000	41153xxxx2103
184	LE ANH QUAN	168,875	41153xxxx7102
185	HOANG VAN HUNG	300,000	41153xxxx8104
186	NGUYEN DUY TRINH	150,000	41153xxxx7109
187	NGUYEN THI PHUONG	150,000	41153xxxx2107
188	NGUYEN VAN NAM	150,000	41153xxxx5108
189	PHAM ANH VU	300,000	41153xxxx0108
190	LE THI KIM OANH	150,000	41153xxxx9108
191	BUI VAN PHONG	150,000	41153xxxx1107
192	NGUYEN DUC BICH	300,000	41153xxxx3108
193	NGUYEN ANH TUAN	150,000	41153xxxx9101
194	VO THANH TAM	150,000	41153xxxx5102
195	TRAN THI TRUNG HOA	150,000	41153xxxx5101
196	CHAU NGOC NGA	300,000	41153xxxx7105
197	TRAN QUOC ANH	150,000	41153xxxx0104
198	HOANG THI CHUNG	150,000	41153xxxx6107
199	NGUYEN QUANG TRUNG	150,000	41153xxxx0108
200	LE DUY	150,000	41153xxxx9106
201	TRAN LAN ANH	300,000	41153xxxx1101
202	DINH THU HUONG	150,000	41153xxxx2106
203	NGO VAN PHU	150,000	41153xxxx5107
204	PHAM TUAN ANH	150,000	41153xxxx9109
205	BUI TRINH QUYEN	150,000	41153xxxx2103
206	NGUYEN VAN MUOI	150,000	41153xxxx0102
207	TRAN NGOC TUYEN	150,000	41153xxxx4104
208	NGUYEN THI KIM THAO	150,000	41153xxxx1105
209	NGUYEN VAN LUAN	40,000	41153xxxx9106
210	NGO THI THUY HANG	300,000	41153xxxx3109
211	PHAM HONG QUAN	300,000	41153xxxx1106
212	PHAM DINH VIET DUC	150,000	41153xxxx6105
213	HO THI BUI QUYEN	185,500	41153xxxx8101
214	VO LAM NGOC VU	150,000	41153xxxx3108
215	TRAN MANH HA	150,000	41153xxxx5106
216	NGUYEN ICH THUONG	150,000	41153xxxx4109
217	PHAM THI THU THUYEN	300,000	41153xxxx4102

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chinh/ Prmmary card number
218	DUONG THI THANH THUY	500,000	427126xxxx0104
219	NGUYEN HUU TU	500,000	427126xxxx4108
220	LUONG THI HONG YEN	250,000	427126xxxx2103
221	NGUYEN TIEN PHONG	443,000	427126xxxx6101
222	NGUYEN VAN SY	250,000	427126xxxx2107
223	TRAN QUYET THANG	500,000	427126xxxx0107
224	HOANG THI KIM LIEN	37,500	427126xxxx6109
225	TRAN QUOC THANH	250,000	427126xxxx4108
226	NGUYEN THANH TRUNG	84,000	427126xxxx7106
227	NONG NGOC HUY	250,000	427126xxxx4103
228	BUI NGOC KINH	144,062	427126xxxx0100
229	LE THI THU TRANG	500,000	427126xxxx6109
230	PHAN THI THANH THUY	500,000	427126xxxx2100
231	HA THI OANH	500,000	427126xxxx4100
232	TA VAN KHOAI	250,000	427126xxxx0100
233	NGUYEN HOANG AN	250,000	427126xxxx5102
234	NGUYEN QUE NGUYEN	250,000	427126xxxx7103
235	NGUYEN DO ANH	250,000	427126xxxx4104
236	NGUYEN HUYEN HAO	320,125	427126xxxx7101
237	NGUYEN TRONG KHAI	250,000	427126xxxx5103
238	NGUYEN VIET ANH	250,000	427126xxxx2106
239	LE THI TUYET TAM	250,000	427126xxxx8113
240	NGUYEN DUC VIET	294,244	427126xxxx0102
241	HOANG VIET CUONG	500,000	427126xxxx2106
242	NGUYEN BACH DIEP	250,000	427126xxxx1101
243	LE THI THU HIEN	387,100	427126xxxx7108
244	LE THI GIANG HUONG	500,000	427126xxxx7109
245	DAO MAI HUONG	250,000	427126xxxx0102
246	DUONG TUAN NGHIA	500,000	427126xxxx3109
247	LE THI LINH	70,132	427126xxxx5103
248	NGUYEN THANH LOAN	72,500	427126xxxx5109
249	TRUONG TUYET TAM	500,000	427126xxxx0103
250	TRAN DAI THANG	250,000	427126xxxx9100
251	VU THI HUONG	250,000	427126xxxx0118
252	PHUNG THI THU HA	250,000	427126xxxx6106
253	NGUYEN THANH TRUNG	500,000	427126xxxx9112
254	DAO THI THANH TAM	500,000	427126xxxx8108
255	DINH THI TAM	250,000	427126xxxx7100
256	TRAN QUOC BANG	33,000	427126xxxx0103
257	NGUYEN VIET TUNG	75,000	428695xxxx9105
258	HUYNH THI HONG NGA	75,000	428695xxxx2100
259	BUI THI TUYET	75,000	428695xxxx8115
260	NGUYEN LE ANH TUAN	15,233	428695xxxx6102
261	PHAM XUAN LUONG	150,000	428695xxxx3104

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
262	DO VAN QUANG	75,000	428695xxxx3108
263	DUONG HUYEN ANH	150,000	428695xxxx2100
264	PHAM VAN THAN	75,000	428695xxxx7105
265	NGUYEN CHI THANH	75,000	428695xxxx7101
266	TRAN VAN DUNG	75,000	428695xxxx0103
267	DO THE LONG	150,000	428695xxxx5108
268	THACH HA	75,000	428695xxxx4115
269	DANG THUY TRANG	75,000	428695xxxx7105
270	DANG VIET ANH	150,000	428695xxxx5104
271	PHAM THI MAI	75,000	428695xxxx9114
272	LUU TRAN XUAN TRANG	150,000	428695xxxx5102
273	PHUNG MINH HIEU	75,000	428695xxxx4108
274	LE VIET QUY	150,000	428695xxxx0103
275	NGUYEN THI THANH THUY	75,000	428695xxxx9103
276	LE QUOC TOAN	150,000	428695xxxx1109
277	TA HUU NGOC ANH	75,000	428695xxxx7110
278	NGUYEN THI MAI VIEN	75,000	428695xxxx1111
279	BUI THI HONG HANH	75,000	428695xxxx5114
280	NGUYEN THI HA	75,000	428695xxxx0100
281	NGUYEN BAO KHANH	13,400	428695xxxx8105
282	NGUYEN THAI DUONG	75,000	428695xxxx1102
283	NGUYEN THI KIM QUYEN	75,000	428695xxxx1104
284	DO THI XUAN	75,000	428695xxxx2117
285	PHAM HOANG VAN	75,000	428695xxxx4103
286	QUACH THANH HAI	75,000	428695xxxx8100
287	NGUYEN NGOC THUY	150,000	428695xxxx6115
288	LA THI HOA	150,000	428695xxxx0108
289	NGUYEN LY ANH DUY	75,000	428695xxxx5104
290	NGUYEN VAN DINH	75,000	428695xxxx8105
291	VUONG THI THUY LE	150,000	428695xxxx3103
292	NGMONGTRANHTHANHTUYEN	75,000	428695xxxx7114
293	LE THI TRANG	75,000	428695xxxx8104
294	PHAN THI LAN ANH	75,000	428695xxxx5109
295	PHAM NGOC NGA	75,000	428695xxxx5108
296	VUONG VAN TOAN	75,000	428695xxxx3107
297	TRAN VAN DUY	75,000	428695xxxx6104
298	LE THI CHIN	150,000	428695xxxx1105
299	TRAN NGOC QUANG	75,000	428695xxxx1102
300	LIEU THU PHUONG	75,000	428695xxxx9104
301	NGUYENHOTHANHKIMHIEN	75,000	428695xxxx8118
302	DUONG VIET THINH	75,000	428695xxxx8101
303	NGUYEN XUAN THANH	75,000	428695xxxx0101
304	HOANG NGOC KHANH	75,000	428695xxxx2100
305	DO MANH CUONG	150,000	428695xxxx7109

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chinh/ Prmmary card number
306	HUYNH THI THU TRANG	75,000	428695xxxx5103
307	DOAN THI GAM	75,000	428695xxxx3103
308	MAI TRUNG TRUC	106,000	428695xxxx8107
309	DAO HUONG THUY	75,000	428695xxxx7103
310	NGUYENTHIDIEMPHUONG	75,000	428695xxxx8103
311	HOANG THUY LINH	75,000	428695xxxx7100
312	TRAN THI HONG OANH	75,000	428695xxxx2110
313	PHAM HAI TRUNG	75,000	428695xxxx1115
314	DINH THI THU HA	150,000	428695xxxx4104
315	MAI ANH DUONG	75,000	428695xxxx7104
316	TRAN NGOC THU LE	75,000	428695xxxx0105
317	TRAN BICH HONG	75,000	428695xxxx4102
318	NGUYEN THI TRUC	75,000	428695xxxx0128
319	TONG THI HIEN	58,000	428695xxxx1109
320	TRAN THI NHAT PHUONG	75,000	428695xxxx1103
321	DAM THI MINH TAM	75,000	428695xxxx4100
322	NGUYEN DUY MINH	150,000	428695xxxx4107
323	NGUYEN MINH HUNG	150,000	428695xxxx5107
324	NGUYEN THI LAM HONG	75,000	428695xxxx3105
325	TRAN THANH TRUNG	75,000	428695xxxx8101
326	BUI MANH CUONG	75,000	428695xxxx1103
327	NGUYEN PHU QUOC	52,500	428695xxxx0106
328	TA THI HIEN LUONG	75,000	428695xxxx7106
329	NGO BACH SON	75,000	428695xxxx1109
330	NGUYEN ANH DUC	75,000	428695xxxx5106
331	TRAN THI PHUONG HOA	75,000	428695xxxx6108
332	TRAN HUU QUYET	75,000	428695xxxx1114
333	LE NGOC DIEN	75,000	428695xxxx1106
334	TRAN THI NGOC HA	75,000	428695xxxx1106
335	VU THI NINH	75,000	428695xxxx5106
336	NGUYEN THI MINH HUONG	75,000	428695xxxx2103
337	HUYNH VAN NAM	75,000	428695xxxx6106
338	THANG THI THANH LOAN	75,000	428695xxxx5100
339	HO HUY HUNG	75,000	428695xxxx1108
340	LUONG VAN DIEN	75,000	428695xxxx2107
341	DOAN HA NOI	75,000	428695xxxx2102
342	TRAN THI MAI	150,000	428695xxxx9107
343	TRAN AI PHUONG	75,000	428695xxxx2109
344	NGUYEN QUY TRANG	26,300	428695xxxx7105
345	LE THI KIM OANH	75,000	428695xxxx9109
346	NGUYEN THI LIEN	75,000	428695xxxx6101
347	DO ANH VAN	150,000	428695xxxx1101
348	CAO DIEU KHANH	150,000	428695xxxx5100
349	VU THI THUY	75,000	428695xxxx3103

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
350	NGUYEN MINH TINH	75,000	428695xxxx5108
351	LE CONG MINH	75,000	428695xxxx2101
352	NGUYEN NAM PHONG	75,000	428695xxxx6120
353	PHAM HOANG	50,000	428695xxxx3103
354	NGUYEN XUAN TRUONG	75,000	428695xxxx5107
355	TRAN DANG NINH	120,198	428695xxxx6106
356	DUONG THI THANH HAI	75,000	428695xxxx2102
357	DANG VAN HIEP	131,750	428695xxxx6104
358	BACH THI NGOC HAN	75,000	428695xxxx7100
359	CAO THI HUYEN	75,000	428695xxxx2108
360	NGO VAN CUONG	75,000	428695xxxx6104
361	DAO BICH TRUONG	75,000	428695xxxx0109
362	NGUYEN CONG TOAI	75,000	428695xxxx9106
363	NGUYEN THI HUE	75,000	428695xxxx6108
364	NGO BUI THAO LY	75,000	428695xxxx9106
365	NGUYEN DIEU THUONG	125,000	428695xxxx3103
366	PHAM DANG HUNG	75,000	428695xxxx5103
367	PHAM MAI PHUONG	25,005	428695xxxx3108
368	NGUYEN THI HONG HANH	75,000	428695xxxx6108
369	NGUYEN HOANG CONG	50,000	428695xxxx4102
370	NGUYEN DINH VUONG	75,000	428695xxxx7102
371	NGUYEN THI NGOC UYEN	75,000	428695xxxx0101
372	NGUYEN VAN TUONG	150,000	428695xxxx2101
373	HO KHAC HUNG	75,000	428695xxxx7107
374	NGUYEN NGOC HIEN	75,000	428695xxxx9103
375	HA THANG	75,000	428695xxxx3109
376	TRUONG VAN CUONG	71,625	428695xxxx8108
377	NGUYEN THI HUONG	150,000	428695xxxx6108
378	PHAM THI XUAN	150,000	428695xxxx4100
379	NGUYEN THI DUNG	75,000	428695xxxx1109
380	BUI VIET CUONG	120,000	428695xxxx1101
381	TRAN THI HANG	75,000	428695xxxx4102
382	LE THI DONG ANH	75,000	428695xxxx7102
383	TRINH MINH KHANH	75,000	428695xxxx2102
384	DUONG DINH KHOA	75,000	428695xxxx6104
385	HOANG THI HOA DUNG	75,000	428695xxxx6105
386	NGUYEN VAN LOI	75,000	428695xxxx7100
387	NGUYEN THI NGOC BE	150,000	428695xxxx5104
388	TRAN THI KIM QUYEN	150,000	428695xxxx3104
389	TRAN THI THANH NGA	75,000	428695xxxx2108
390	DUONG QUOC DUNG	75,000	428695xxxx3105
391	VU NGOC TU	150,000	428695xxxx2108
392	HUYNH THI MY THANH	75,000	428695xxxx5100
393	NGUYEN VIET ANH	75,000	428695xxxx7105

STT/No.	TÊN THẺ/ Cardholder name	ST TRẢ THƯỜNG/ Amount to receive	So the chính/ Prmmary card number
394	LE HOANG DANH	75,000	428695xxxx5101
395	TRAN THU THUY	75,000	428695xxxx6103
396	NGUYEN THI HOA BINH	20,000	428695xxxx1108
397	NGUYEN THI BICH VAN	150,000	428695xxxx9101
398	NGUYEN NGOC HUY	150,000	428695xxxx4109
399	HUA ANH THAI	75,000	515110xxxx2106
400	LE HUU PHUOC	49,000	515110xxxx9105
401	NGUYEN THI HIEU	150,000	515110xxxx5105
402	LE CHIEU HOANG	75,000	515110xxxx4101
403	HOANG VAN HUNG	75,000	515110xxxx5100
404	NGUYEN THI THANH HIEN	75,000	515110xxxx1103
405	VUONG SY DUNG	75,000	515110xxxx8106
406	NGUYEN MINH THUY	250,000	530515xxxx5103
407	NGUYENTHIPHUONGTHAO	347,500	530515xxxx0107
408	DUONG VAN YEN	250,000	530515xxxx0101
409	DAO VAN CONG	224,854	530515xxxx8103
410	TRUONG HUU PHUC	250,000	530515xxxx0109
411	LE VAN HUONG	500,000	530515xxxx7109
412	LUU THUY DUNG	250,000	530515xxxx2100